|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2019)***

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | **Phát triển nghề nghiệp ngành du lịch và lữ hành** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | **Career development in Tourism and Travel industry** |
| ***- Mã số học phần*** | **DLLH1141** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | **Kiến thức cơ sở ngành** |
| ***- Số tín chỉ*** | **3** |
| ***+ Số giờ lý thuyết*** | **24** |
| ***+ Số giờ thảo luận*** | **14** |
| ***- Các học phần tiên quyết*** | **Không** |

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

Giảng viên: TS. Trần Thị Huyền Trang, Bộ môn Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Email: tranhuyentrang@neu.edu.vn; Phòng 709 Nhà A1

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần phát triển nghề nghiệp ngành du lịch và lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị dịch vụ du lịch lữ hành. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực công việc trong hoạt động nghề nghiệp quản lý và kinh doanh ngành lữ hành. Qua đó giúp sinh viên nhận thức đầy đủ và sâu sắc tầm quan trọng của phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Xây dựng kế hoạch học tập trong thời gian đào tạo, chiến lược phát triển và tự hoàn thiện bản thân. Hình thành và phát triển các năng lực thực thi công việc của nghề nghiệp quản trị lữ hành.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

- Burns, J. B. (2010), Career opportunities in Travel and Hospitality, Ferguson.

**Tài liệu khác**

- Charles, R.G. and Ritchie, J.R.B. (2012), Toursim Principles, Practices, Philosophies, Chapter 3. Career Opportunities, 12th edition, John Wiley & Sons, Inc, pages 51-67.

- Confederation of Tourism and Hospitality (2011), Travel Agency and Tour Guide Operations, Chapter 5. Distribution methods and information technology, 1st edition, BPP Learning Media, pages 53-64.

- Gagnon, P. J and Souto M. B. (2016), Travel Career Development, The travel institute, 10th edition.

- David Wright (2008), Professional travel counselling, Canadian Institute of Travel Counsellors, 5th edition.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  **mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo** | **Trình độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Hiểu và phân tích được những thuật ngữ căn bản nhất liên quan đến ngành du lịch và lữ hành; Phân tích được sự phát triển của ngành du lịch trên Thế giới và ở Việt Nam. Hiểu về nhu cầu của thị trường du lịch và những yêu cầu đối với người lao động làm việc trong ngành du lịch và lữ hành. Phát hiện các vấn đề liên quan đến những cơ hội nghề nghiệp trong ngành lữ hành và định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân trong tương lai. Phân tích ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành | 1.3.1 | 2 |
| G2 | Rèn luyện kỹ năng vận dụng các phương pháp học cụ thể như phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning), phương pháp học dựa trên các tình huống (Case study based learning) nhằm giải quyết các tình huống phát sinh trong ngành du lịch và lữ hành. Rèn luyện kỹ năng thực hiện các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành như thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển du lịch, các tuyến điểm du lịch | 2.1.4  2.2.1  2.2.2 | 3 |
| G3 | Có thái độ nghiêm túc trong học tập, chủ động tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình dạy học và nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển các cơ hội nghề nghiệp của bản thân trong tương lai | 3.1.1  3.2.2 | 3 |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1. Năng lực người học học phần (CLO)**

| **CĐR** | **CLOs** | **Mô tả năng lực người học** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| 1.3.1 | CLO1.1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản trong ngành du lịch và lữ hành đồng thời phân tích các xu hướng phát triển của ngành du lịch lữ hành trên thế giới và ở Việt Nam | 2 |
| CLO1.2 | Hiểu được phương pháp học PBL và CBL và vận dụng được các phương pháp trên để giải quyết các tình huống phát sinh trong ngành du lịch và lữ hành. | 2 |
| CLO1.3 | Hiểu được nhu cầu của thị trường du lịch cũng như các yêu cầu đặt ra đối với người lao động làm việc trong ngành du lịch và lữ hành. | 2 |
| CLO1.4 | Hiểu được các cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai trong ngành lữ hành đồng thời giúp người học xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân. | 2 |
| CLO1.5 | Phân tích ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành | 2 |
| 2.1.4  2.2.1  2.2.2 | CLO2.1 | Rèn luyện kỹ năng thực hiện các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành như thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển du lịch, các tuyến điểm du lịch | 3 |
| CLO2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành | 3 |
| CLO2.3 | Hoàn thành đầy đủ các yêu cầu về thực hiện các bài tập nhóm, thuyết trình, đóng vai, luân phiên quản lý/giám sát, đánh giá các thành viên trong nhóm trong quá trình thực hiện các bài tập. | 3 |
| 3.1.1  3.2.2 | CLO3.1 | Có thái độ nghiêm túc trong học tập, chủ động tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình dạy học | 3 |
| CLO3.2 | Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển các cơ hội nghề nghiệp của bản thân trong tương lai | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **NLNH học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần |  | Tuần 1-13 | CLO 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 | - Mức độ tham gia lớp học đầy đủ.  - Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng)  - Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời)  - Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi) | 10% |
| 01 bài tập lớn | Chương 1,2 | Tuần 9,10 | CLO 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 2.3 | - Mức độ hoàn thành bài tập nhóm, thuyết trình (đúng hạn, chất lượng nội dung và thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên và lớp gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần). | 20% |
| 01 bài kiểm tra giữa kỳ | Chương 3,4,5 | Tuần 6 |  | 01 Bài kiểm tra cá nhân 60 phút | 20% |
| Đánh giá cuối kỳ | Chương 1,2,3,4,5 | Tuần 15 | CLO 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 2.1, 2.2, 3.1, 3.2 | Bài thu hoạch cá nhân sau chuyến đi thực hành thực tế | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**8.1. Nội dung giảng dạy**

**CHƯƠNG 1 – KHÁI QUÁT VỀ SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

***Giới thiệu khái quát về chương:***

Chương 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về các khái niệm trong ngành du lịch và lữ hành; tìm hiểukhái quát về sự phát triển của hoạt động lữ hành và hoạt động kinh doanh lữ hành;hiểu được các thành phần cấu thành ngành lữ hành và kinh doanh lữ hành hiện đại. Chương 1 cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự phát triển của du lịch thế giới từ năm 1950 đến nay; sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay; sự tăng trưởng của ngành lữ hành, tác động của ngành lữ hành đối với kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường, nguyên nhân tăng trưởng của ngành lữ hành; chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

***Nội dung của chương***

**1.1. Các khái niệm cơ bản**

1.1.1. Lữ hành, du lịch

1.1.2. Lữ khách, khách tham quan, khách du lịch

1.1.3. Lưu trú, khách sạn

1.1.4. Kinh doanh du lịch, kinh doanh lữ hành, kinh doanh khách sạn

**1.2. Ngành lữ hành**

1.2.1. Tiếp cận trên thế giới

1.2.2. Tiếp cận ở Việt Nam

**1.3. Ngành du lịch Thế giới từ năm 1950 đến nay**

1.3.1. Tăng trưởng của ngành lữ hành từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay

1.3.2. Tác động tăng trưởng của ngành lữ hành

**1.4. Ngành du lịch Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1990 – 2019**

1.4.1. Số lượng khách quốc tế đến Việt Nam từ 1990 – 2019

1.4.2. Số lượng khách du lịch nội địa qua các năm giai đoạn 1990 – 2019

1.4.3. Tổng thu từ khách du lịch của Việt Nam qua các năm giai đoạn 1990 – 2019

1.4.4. Số lượng cơ sở lưu trú du lịch và số buồng tại Việt Nam qua các năm giai đoạn 1990 – 2019

1.4.5. Số lượng doanh nghiệp lữ hành quốc tế và đội ngũ hướng dẫn viên qua các năm giai đoạn 2005 – 2019

**1.5. Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Charles, R.G. and Ritchie, J.R.B. (2012), Toursim Principles, Practices, Philosophies, Chapter 1. Tourism in perspective, 12th edition, John Wiley & Sons, Inc, pages 2-27.

2. Chính phủ (2011), Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Bộ Chính trị (2017), Nghị quyết 08 ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

4. UNWTO Tourism highlights 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.

5. Vietnam National Administration of Tourism, Vietnam Annual Tourism report 2014, 2015, 2016.

**CHƯƠNG 2 – GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP PBL & CBL**

***Giới thiệu khái quát về chương:***

Chương 2 cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chương trình đào tạo như: mục tiêu, thời lượng, số tín chỉ, chuẩn đầu ra; giúp sinh viên nắm vững phương pháp PBL và CBL; hình thành kỹ năng tổ chức nhóm và làm việc nhóm; xây dựng thái độ tích cực đối với chương trình đào tạo.

***Nội dung của chương***

**2.1. Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành tại trường ĐH Kinh tế Quốc dân áp dụng khóa tuyển sinh năm 2020 – K62**

2.1.1. Giới thiệu về mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1.2. Các quy định về chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

2.1.3. Cấu trúc, nội dung và kế hoạch giảng dạy

**2.2. Phương pháp học dựa trên vấn đề và giải quyết vấn đề (Problem based learning – PBL)**

2.2.1. Khái niệm phương pháp PBL

2.2.2. Nguyên lý của PBL

2.2.3. Quy trình 07 bước của PBL

2.2.4. Tổ chức nhóm PBL

**2.3. Phương pháp học dựa trên các tình huống phát sinh trong ngành du lịch và lữ hành (Case study-based learning – CBL)**

2.3.1. Khái niệm phương pháp CBL

2.3.2. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp case study

2.3.3. Quy trình 07 bước tiếp cận case study

2.3.4. Tổ chức nhóm phân tích case study

- Tình huống 1: Anh chị cần cung cấp cho khách những thông tin gì để giúp họ khỏi bối rối khi lạc đoàn tại điểm tham quan? Nếu điều đó xảy ra thì anh chị sẽ xử lý như thế nào?

- Tình huống 2: Trưởng đoàn ở xe bạn cứ liên tục giật mic của HDV để giành nói, khi HDV chuẩn bị giới thiệu cho khách trên xe về một điểm du lịch nào đó. Làm sao để người Trưởng đoàn này không còn những hành động thiếu tôn trọng HDV thế nữa?

- Tình huống 3: Sau khi kết thúc một tour du lịch vì quá yêu mến hướng dẫn viên, một vị khách khác giới đã ôm HDV để bày tỏ tình cảm. Đẩy vị khách đó ra liền thì không thể, vì như thế khách sẽ bị sốc mà cứ đứng như vậy thì không tiện lắm. Bạn phải làm sao đây?

- Tình huống 4: Trong lúc HDV đang làm thủ tục trả phòng cho khách của mình tại 1 khách sạn hạng sang thì có 1 nhân viên của khách sạn đến bảo rằng tại phòng A của vị khách B bị mất đồ (1 vật gì đó của khách sạn dùng để trang trí phòng chẳng hạn). Bạn sẽ xử lý ra sao?

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (2019), Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

2. Handout “Problem - based learning” and “Case study - based learning”.

**CHƯƠNG 3 – ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

***Giới thiệu khái quát về chương:***

Chương 3 giúp sinh viên có khả năng hiểu được về nguồn nhân lực trong ngành du lịch; hiểu được các yêu cầu cụ thể đối với các công việc trong ngành du lịch và lữ hành; và hiểu được các tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam – VTOS.

***Nội dung của chương***

**3.1. Nguồn nhân lực trong du lịch**

3.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nhân lực ngành du lịch

3.1.2. Phân loại nhân lực trong ngành du lịch

3.1.3. Tiêu chuẩn nhân lực ngành du lịch

3.1.4. Thực trạng nguồn nhân lực du lịch của Việt Nam

3.1.5. Các quan điểm và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực du lịch ở Việt Nam đến năm 2030

**3.2. Các yêu cầu cụ thể đối với các công việc trong ngành du lịch và lữ hành**

3.2.1. Thể chất

3.2.2. Thái độ

3.2.3. Kỹ năng

3.2.4. Kiến thức

**3.3. Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam - VTOS (Vietnam Tourism Occupational Standards)**

3.3.1. Nghiệp vụ Điều hành du lịch và Đại lý lữ hành

3.3.2. Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch

3.3.3. Nghiệp vụ Thuyết minh du lịch

3.3.4. Nghiệp vụ Phục vụ trên tàu thuỷ du lịch

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Charles, R.G. and Ritchie, J.R.B. (2012), Toursim Principles, Practices, Philosophies, Chapter 3. Career Opportunities, 12th edition, John Wiley & Sons, Inc, pages 51-67.

2. Gagnon, P. J and Souto M. B. (2016), Travel Career Development, The travel institute, 10th edition.

3. David Wright (2008), Professional travel counselling, Canadian Institute of Travel Counsellors, 5th edition.

4. Burns, J. B. (2010), Career opportunities in Travel and Hospitality, Ferguson.

5. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch (2015), Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam – Điều hành du lịch và Đại lý lữ hành.

6. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch (2015), Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam – Hướng dẫn du lịch.

7. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch (2015), Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam – Thuyết minh du lịch.

8. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch (2015), Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam – Phục vụ trên tàu thuỷ du lịch.

**CHƯƠNG 4 –PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CÁ NHÂN**

Chương 4 giúp người học có khả năng hiểu được các con đường phát triển nghề nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành, đồng thời giúp người học xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân để từ đó có được những cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

***Nội dung của chương***

**4.1. Con đường nghề nghiệp**

4.1.1. Con đường nghề nghiệp

4.1.2. Con đường nghề nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành

4.1.3. Các câu hỏi nhằm định hướng nghề nghiệp trong ngành du lịch

4.1.4. Các câu hỏi nhằm định hướng công việc trong ngành du lịch

4.1.5. Các tố chất của một nhà quản trị lữ hành

**4.2. Kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân**

4.2.1. Vai trò của việc xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân

4.2.2. Các mô hình lý thuyết về xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân

4.2.3. Chìa khoá giúp xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân thành công trong tương lai

4.2.4. Các kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai

**4.3. Các cơ hội phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai**

4.3.1. Vị trí việc làm trong hệ thống quản lý nhà nước về du lịch

4.3.2. Vị trí việc làm trong các đơn vị có chức năng sự nghiệp du lịch

4.3.3. Vị trí việc làm trong các đơn vị kinh doanh về du lịch

4.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ hội phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Charles, R.G. and Ritchie, J.R.B. (2012), Toursim Principles, Practices, Philosophies, Chapter 3. Career Opportunities, 12th edition, John Wiley & Sons, Inc, pages 51-67.

2. Gagnon, P. J and Souto M. B. (2016), Travel Career Development, The travel institute, 10th edition.

3. David Wright (2008), Professional travel counselling, Canadian Institute of Travel Counsellors, 5th edition.

4. Burns, J. B. (2010), Career opportunities in Travel and Hospitality, Ferguson.

**CHƯƠNG 5 – ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

***Giới thiệu khái quát về chương:***

Chương 5 giúp sinh viên có khả năng hiểu được những tác động tích cực và tiêu cực của việc bán các chương trình du lịch trực tiếp đồng thời đưa ra những phân tích và so sánh về những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành.

***Nội dung của chương***

**5.1. Tác động của việc bán các chương trình du lịch trực tiếp cho khách hàng**

5.1.1. Tác động tích cực

5.1.2. Tác động tiêu cực

**5.2. Ảnh hưởng của việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành**

5.2.1. Ảnh hưởng tích cực

5.2.2. Ảnh hưởng tiêu cực

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Charles, R.G. and Ritchie, J.R.B. (2012), Toursim Principles, Practices, Philosophies, Chapter 7. Organizations in the Distribution Process, 12th edition, John Wiley & Sons, Inc, pages 181-211.

2. Confederation of Tourism and Hospitality (2011), Travel Agency and Tour Guide Operations, Chapter 5. Distribution methods and information technology, 1st edition, BPP Learning Media, pages 53-64.

**CHƯƠNG 6 – KHẢO SÁT THỰC TẾ TẠI ĐIỂM DU LỊCH**

***Giới thiệu khái quát về chương:***

Chương 6 sẽ giúp cho sinh viên:

- Thực hành, quan sát để hiểu các khái niệm liên quan đến ngành Du lịch và Lữ hành.

- Thực hành, quan sát để hiểu được quy trình các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành như thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển du lịch, các tuyến điểm du lịch…

- Điểm đến được lựa chọn 1 trong 3 địa điểm sau: Hà Nam/ Ninh Bình/ Hạ Long/ Phú Thọ.

- Thời gian 2 ngày 1 đêm. Giảng viên lên kế hoạch cụ thể báo cáo cấp có thẩm quyền sau tuần đầu tiên của học phần và phải tổ chức đi trước khi thi kết thúc học phần.

- Thiết kế chương trình khảo sát (các dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan…) do giảng viên chuẩn bị và công bố để sinh viên thực hiện.

- Phân công các nhóm sinh viên liên lạc và xin báo giá từ các nhà cung cấp, tính toán các chi phí tổ chức thực hiện theo sự giám sát của giảng viên.

- Nhà trường cấp kinh phí báo cáo viên, công tác phí và vé tham quan các điểm du lịch cho giảng viên.

- Sinh viên tự chi trả các chi phí liên quan đến chuyến đi (gồm chi phí dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vé tham quan…).

- Giảng viên giảng dạy học phần chịu trách nhiệm trước nhà trường.

- Thời gian từ 6 giờ sáng đến 17h đón và trả sinh viên trước cổng trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Sau khi chuyến đi kết thúc, sinh viên sẽ phải viết bài báo cáo thu hoạch cá nhân để tính điểm thi kết thúc học phần.

**8.2. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **NLNH học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** |
| 1-2 | Chương 1 | CLO1.1  CLO3.1 | Học ở lớp:  Thuyết giảng  Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp)  Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 2 | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10% |
| 3-4 | Chương 2 | CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 | Học ở lớp:  Thuyết giảng  Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp)  Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3 | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10%  - Bài tập nhóm, thuyết trình 20% |
| 4-6 | Chương 3 | CLO1.3  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 | Học ở lớp:  Thuyết giảng  Thảo luận (thảo luận cả lớp)  Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 4  Bài kiểm tra cá nhân | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10%  - Bài kiểm tra cá nhân 20% |
| 7-8 | Chương 4 | CLO1.4  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO3.2 | Học ở lớp:  Thuyết giảng  Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp)  Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 5 | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10%  - Bài tập nhóm, thuyết trình 20% |
| 9 | Chương 5 | CLO1.2  CLO3.1 | Học ở lớp:  Thuyết giảng  Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp)  Học ở nhà: Chuẩn bị các điều kiện cho chuyến đi thực hành thực tế | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10% |
| 10-13 | Chương 6 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | Tổ chức đi thực tế cho SV tại điểm đến du lịch Hà Nam/ Ninh Bình/ Hạ Long/ Phú Thọ thời gian 2 ngày một đêm dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó sinh viên viết báo cáo. | - Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10% |
|  | Thi cuối kì |  | Nộp bài thu hoạch cá nhân sau chuyến đi | Bài thu hoạch cá nhân: 50% |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về tham dự lớp học**

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân và bài tập nhóm muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

**9.2. Quy định về hành vi lớp học**

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thuyết trình.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Trường** | **Trưởng Bộ môn** | **Giảng viên**  **TS. Trần Thị Huyền Trang** |